

A. Nguyễn

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

123

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 35

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Đá Chông, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang
Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Cáp Hồng Nguyên	Chủ tịch
Ông Phạm Xuân Nam	Thành viên
Ông Lê Dũng Lâm	Thành viên
Ông Trần Minh Đức	Thành viên
Bà Hồ Thị Thanh Thủy	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Duy Vũ	Trưởng ban
Bà Trần Thị Gấm	Thành viên
Ông Dương Anh Tường	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Dũng Lâm	Giám đốc
Ông Trần Minh Đức	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Đá Chồng, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang
Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM – Chi nhánh Miền Trung – thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Lê Dũng Lâm

Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Số: 47/BCKT/2018- RSMMT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28/03/2018 từ trang 5 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Kim Văn Việt

Giám đốc kiểm toán

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1486-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

Chi nhánh Miền Trung

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2018

A blue ink signature of Nguyễn Hà Trung.

Nguyễn Hà Trung

Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2444-2018-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Đá Chông, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang

Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 01 - DN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		9.317.812.810	7.794.862.386
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	2.083.836.370	2.078.265.049
1. Tiền	111		2.083.836.370	1.078.265.049
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.242.614.779	3.137.628.991
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	1.887.982.318	1.210.614.586
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	1.219.309.420	1.372.315.405
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.4	10.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	1.141.401.041	570.777.000
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(16.078.000)	(16.078.000)
IV. Hàng tồn kho	140		1.396.787.423	1.091.875.862
1. Hàng tồn kho	141	4.7	1.396.787.423	1.091.875.862
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.594.574.238	1.487.092.484
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	729.093.984	1.144.031.470
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		316.447.940	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.15	549.032.314	343.061.014
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		62.388.373.700	50.561.807.272
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.374.546.683	1.684.820.012
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	1.374.546.683	1.684.820.012
II. Tài sản cố định	220		42.210.841.666	26.396.879.505
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	35.260.267.635	24.580.682.830
Nguyên giá	222		70.193.420.411	57.946.064.263
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.933.152.776)	(33.365.381.433)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	6.950.574.031	1.816.196.675
Nguyên giá	228		8.207.622.286	2.185.548.296
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.257.048.255)	(369.351.621)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.567.984.691	10.370.100.315
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	6.567.984.691	10.370.100.315
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.235.000.660	12.110.007.440
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	12.235.000.660	12.110.007.440
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		71.706.186.510	58.356.669.658

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Đá Chồng, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang
Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		28.130.609.609	17.588.872.365
I. Nợ ngắn hạn	310		22.221.094.881	12.677.210.305
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	5.818.562.915	2.733.787.258
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	419.484.000	332.235.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	93.859.198	213.867.387
4. Phải trả người lao động	314		6.050.488.928	3.567.541.072
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	226.236.342	83.556.142
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	480.080.308	859.299.307
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	7.756.273.332	2.676.273.338
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.376.109.858	2.210.650.301
II. Nợ dài hạn	330		5.909.514.728	4.911.662.060
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.16	172.200.000	144.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	5.737.314.728	4.767.662.060
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		43.575.576.901	40.767.797.293
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18	43.441.691.901	40.767.797.293
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		24.795.770.000	24.795.770.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		24.795.770.000	24.795.770.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.747.545.000	3.747.545.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.021.421.973	1.021.421.973
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.305.713.363	4.733.105.406
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.571.241.565	6.469.954.914
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a	4.19	3.990.377.914	2.224.270.419
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.580.863.651	4.245.684.495
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		133.885.000	-
1. Nguồn kinh phí	431		133.885.000	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		71.706.186.510	58.356.669.658



Lê Dũng Lâm
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Lý Thị Thanh Lam
Kế toán trưởng

Trần Thị Gấm
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Đá Chồng, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang
Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	133.491.555.440	118.688.038.295
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		133.491.555.440	118.688.038.295
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	111.661.328.637	98.585.081.750
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.830.226.803	20.102.956.545
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	135.994.062	86.666.417
7. Chi phí tài chính	22	5.4	1.083.224.930	123.026.726
Trong đó, chi phí lãi vay	23		1.083.224.930	123.026.726
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	2.421.986.087	3.213.718.483
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	12.074.548.983	10.988.423.411
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.386.460.865	5.864.454.342
11. Thu nhập khác	31	5.7	1.078.638.189	832.362.044
12. Chi phí khác	32	5.8	275.325.343	24.682.035
13. Lợi nhuận khác	40		803.312.846	807.680.009
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.189.773.711	6.672.134.351
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	1.463.694.146	1.365.028.732
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.726.079.565	5.307.105.619
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.5	2.078	1.926
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.6	2.078	1.926



Lê Dũng Lâm
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Lý Thị Thanh Lam
Kế toán trưởng

Trần Thị Gấm
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Đá Chông, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang

Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 03 - DN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****(Theo phương pháp trực tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		132.955.083.411	119.290.726.956
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(96.406.592.571)	(88.168.543.681)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(13.549.816.255)	(23.875.537.546)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.145.397.410)	(206.286.001)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.668.466.261)	(1.781.520.213)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.525.273.893	20.419.061.291
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(13.308.102.062)	(23.411.103.796)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.401.982.745	2.266.797.010
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(22.087.959.035)	(6.165.973.245)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.989.954.545	2.308.961.412
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(10.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		141.517.404	81.126.964
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19.966.487.086)	(3.775.884.869)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	25.895.926.000	12.712.074.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(19.846.273.338)	(9.744.273.329)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(2.479.577.000)	(2.479.577.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.570.075.662	488.223.671
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		5.571.321	(1.020.864.188)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.078.265.049	3.099.129.237
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		2.083.836.370	2.078.265.049



Lê Dũng Lâm
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Lý Thị Thanh Lam
Kế toán trưởng

Trần Thị Gấm
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Du lịch Long Phú thuộc Tổng Công ty Khánh Việt) theo Quyết định số 1734/2006/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3703000238 ngày 17 tháng 01 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần gần nhất vào ngày 22 tháng 08 năm 2014 với mã số doanh nghiệp là 4200451896.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 24.795.770.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Khánh Việt	Việt Nam	13.016.960.000	52%	13.016.960.000	52%
Công ty Cổ phần Avalue	Việt Nam	5.419.570.000	22%	5.419.570.000	22%
Các đối tượng khác	Việt Nam	6.359.240.000	26%	6.359.240.000	26%
		24.795.770.000	100%	24.795.770.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đá Chồng, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 279 (31/12/2016: 273).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh du lịch và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển; Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí; Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; Kinh doanh karaoke; Dịch vụ lặn biển;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Hoạt động thể thao khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ;
- Thu nhập sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác;
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi. Chi tiết: Nuôi dưỡng và thuần dưỡng thú;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo về phong cách sống trong môi trường quân đội;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Chi tiết: Hoạt động của các nhóm, gánh xiếc, hoặc các công ty, ban nhạc, dàn nhạc;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ;
- Chăn nuôi khác. Chi tiết: Chăn nuôi khỉ và động vật rừng;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ rượu, bia, đồ uống không có cồn;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương. Chi tiết: vận tải hành khách ven biển;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động của các bến, bãi, ô tô, điểm bốc xếp, hàng hóa; bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Đại lý bán vé tàu, vé xe, vé máy bay;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cơ sở lưu trú khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...);
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán bar, quầy bar);
- Hoạt động nhiếp ảnh;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ thu tiền đồ xe;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc, huấn luyện vật cảnh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú;
- Cắt tóc, làm đầu, gội đầu.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2017 gồm:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú tại Phú Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú tại Lâm Đồng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2017</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 30 năm
▪ Máy móc thiết bị	5 – 13 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 15 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	6 – 8 năm
▪ Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc	10 – 30 năm

3.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***Quyền sử dụng đất và chi phí liên quan đến quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Đá Chồng, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam trong (48,7 năm). Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí liên quan đến quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 30 năm.

3.7. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 3 năm;
- Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe, bảo hiểm tài sản,...) được phân bổ theo thời gian bảo hiểm trên hợp đồng.
- Các chi phí trả trước khác: căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.10. Chi phí đi vay***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay: được xác định theo số nợ gốc còn lại cho số ngày chưa tính lãi và lãi suất qui định.

Chi phí thuê mặt bằng, phí kiểm toán, và các chi phí khác: căn cứ theo hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

3.14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

3.17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Sản phẩm từ nông nghiệp (nuôi và bán sản phẩm sơ chế từ đà điểu,...): thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế: 0%;
- Hoạt động vận chuyển, kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng và dịch vụ du lịch lữ hành nội địa theo hình thức trọn gói: 10%;
- Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.19. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.20. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

3.21. Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và phải thu về cho vay ngắn hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	1.378.935.527	764.884.246
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	704.900.843	313.380.803
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng	-	1.000.000.000
Cộng	2.083.836.370	2.078.265.049

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty TNHH Lữ hành Pegas Misr Viet Nam	177.020.000	92.820.000
Nguyễn Thị Diệu Yên	135.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Thế Giới Mới	171.849.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Anex Việt Nam	148.260.000	254.080.000
Công ty TNHH SX và TM Hoàng Long Vina	164.915.000	127.350.000
Các đối tượng khác	1.090.938.318	736.364.586
Cộng	1.887.982.318	1.210.614.586

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Viện Nghiên Cứu Chế Tạo Tàu Thủy Trường ĐHTT	365.093.400	-
Công ty Cổ Phần Hàng Không Vietjet	592.310.520	-
Công ty TNHH Vinpearl Nha Trang	2.546.500	1.842.000
Công ty TNHH Sao Mai Anh	-	600.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Đầu tư Khánh Hòa	-	311.786.800
Các đối tượng khác	259.359.000	458.686.605
Cộng	1.219.309.420	1.372.315.405

4.4. Phải thu về cho vay

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty TNHH Hoàng Gia Nha Trang	10.000.000	-
Cộng	10.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Đặt cọc tiền thuê mặt bằng	-	-	250.000.000	-
Tạm ứng	945.048.500	-	217.722.000	-
Lãi dự thu	-	-	5.523.342	-
BHXH nộp thừa	23.124.705	-	44.862.939	-
Nguyễn Hồ Anh Vũ	9.522.700	-	9.201.100	-
Các đối tượng khác	163.705.136	-	43.467.619	-
Cộng	1.141.401.041	-	570.777.000	-
Dài hạn:				
Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	752.546.683	-	1.128.820.012	-
Ký quỹ, ký cược ngân hàng Sacombank	500.000.000	-	500.000.000	-
Điện Lực Trung Tâm Nha Trang	26.000.000	-	-	-
Công ty CP Cấp Thoát Nước Khánh Hòa	10.000.000	-	-	-
KS Ngân Thông (Tiền thuê MB VP Lâm Đồng)	30.000.000	-	-	-
Nguyễn Tiến Thắng (Tiền thuê MB VP Đắc Lắc)	16.000.000	-	16.000.000	-
Lê Thị Kim Cúc (Tiền thuê MB 15 Ngõ Đức Kế)	40.000.000	-	40.000.000	-
Cộng	1.374.546.683	-	1.684.820.012	-

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	16.078.000	-	16.078.000	-
Cộng	16.078.000	-	16.078.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2017			Tại ngày 01/01/2017		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Truyền thông Sự kiện Đất Thủ	16.078.000		- Trên 3 năm	16.078.000		- Trên 3 năm
Cộng	16.078.000		-	16.078.000		-

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	452.984.530	-	190.684.933	-
Công cụ, dụng cụ	444.065.431	-	307.086.381	-
Chi phí SX, KD dở dang	-	-	40.375.086	-
Hàng hóa	499.737.462	-	553.729.462	-
Cộng	1.396.787.423	-	1.091.875.862	-

Không có giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ.

4.8. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí sửa chữa tài sản	165.463.905	166.734.086
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	280.935.802	310.948.087
Chi phí bảo hiểm, đăng kiểm xe	86.032.792	52.055.840
Chi phí đồng phục, bảo hộ lao động	-	539.433.693
Chi phí khác	196.661.485	74.859.764
Cộng	729.093.984	1.144.031.470
Dài hạn:		
Chi phí sửa chữa tài sản	1.408.891.078	520.993.951
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	822.694.843	1.345.290.447
Chi phí huấn luyện xiếc thú	89.329.463	117.039.968
Chi phí thuê đất	9.447.206.686	9.648.256.918
Chi phí khác	466.878.590	478.426.156
Cộng	12.235.000.660	12.110.007.440

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/ tiện vận tải, truyền dẫn VND	T/bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2017	32.070.546.104	3.198.427.613	20.688.621.033	537.951.827	1.450.517.686	57.946.064.263
Mua trong năm	-	-	13.834.285.817	37.272.727	-	13.871.558.544
Đầu tư Xây dựng cơ bản hoàn thành	4.498.928.201	-	-	-	-	4.498.928.201
Thanh lý, nhượng bán	(194.433.044)	(132.849.635)	(4.898.749.619)	-	-	(5.226.032.298)
Giảm khác	(897.098.299)	-	-	-	-	(897.098.299)
Tại ngày 31/12/2017	35.477.942.962	3.065.577.978	29.624.157.231	575.224.554	1.450.517.686	70.193.420.411
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2017	17.609.396.094	1.992.030.474	12.606.866.762	244.089.811	912.998.292	33.365.381.433
Khấu hao trong năm	3.014.144.741	310.528.080	3.117.512.095	122.445.886	32.258.436	6.596.889.238
Thanh lý, nhượng bán	(119.455.499)	(97.423.040)	(4.151.969.383)	-	-	(4.368.847.922)
Giảm khác	(660.269.973)	-	-	-	-	(660.269.973)
Tại ngày 31/12/2017	19.843.815.363	2.205.135.514	11.572.409.474	366.535.697	945.256.728	34.933.152.776
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2017	14.461.150.010	1.206.397.139	8.081.754.271	293.862.016	537.519.394	24.580.682.830
Tại ngày 31/12/2017	15.634.127.599	860.442.464	18.051.747.757	208.688.857	505.260.958	35.260.267.635

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 12.040.623.298 đồng.
Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.476.561.469 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Chi phí liên quan quyền sử dụng đất VND	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2017	858.380.296	1.327.168.000	2.185.548.296
Mua trong năm	-	6.022.073.990	6.022.073.990
Tại ngày 31/12/2017	858.380.296	7.349.241.990	8.207.622.286
Khấu hao:			
Tại ngày 01/01/2017	359.274.699	10.076.922	369.351.621
Khấu hao trong năm	27.209.352	860.487.282	887.696.634
Tại ngày 31/12/2017	386.484.051	870.564.204	1.257.048.255
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2017	499.105.597	1.317.091.078	1.816.196.675
Tại ngày 31/12/2017	471.896.245	6.478.677.786	6.950.574.031

Không có TSCĐ vô hình đem đi thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2017.
Không có TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Chi phí dự án Khách sạn Hoàng Gia	3.146.978.273	3.274.250.999
Chi phí đo, vẽ đất quy hoạch khu Đá Chông	770.000.001	770.000.001
Chi phí tư vấn phát triển dự án Hoa Lan + Hòn Hèo	136.363.636	136.363.636
Chi phí tư vấn phát triển dự án Đảo Khỉ	136.363.636	136.363.636
Chi phí mua quyền sử dụng đất	-	5.872.074.000
Chi phí vườn bươm Hoa Lan	-	104.968.501
Công trình nhà nầm Hòn Lao	-	14.727.273
Chi phí làm hồ nước chứa petong	-	61.352.269
Chi phí thi công công trình nhà hàng Hòn Lao	281.243.182	-
Chi phí làm khán đài trường đua chó	128.024.145	-
Chi phí mua động cơ thủy ca nô cao tốc	1.130.234.545	-
Chi phí mua xe 16 chỗ Ford Transit	774.545.455	-
Dự án mở rộng diện tích mặt nước biển Hòn Lao	27.110.000	-
Chi phí làm nhà xe Đá Chông	37.121.818	-
Cộng	6.567.984.691	10.370.100.315

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Đá Chồng, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang

Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thiết Bị Hàng Hải Minh Long	497.304.000	497.304.000	-	-
Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Ô Tô Thanh Xuân	596.400.000	596.400.000	-	-
Công ty TNHH MTV XD và ĐT Khánh Hòa	1.464.098.000	1.464.098.000	-	-
Công ty Cổ phần Văn Lang	53.647.000	53.647.000	106.020.000	106.020.000
DNTN Xăng dầu Vĩnh Lương	103.384.700	103.384.700	183.480.450	183.480.450
Đối tượng khác	3.071.945.615	3.071.945.615	2.342.173.708	2.342.173.708
Phải trả cho người bán là các bên liên quan - xem thêm mục 7	31.783.600	31.783.600	102.113.100	102.113.100
Cộng	5.818.562.915	5.818.562.915	2.733.787.258	2.733.787.258

4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
	VND	VND
Công ty CP TM DL Quốc Tế Hải Nam	-	50.000.000
Công ty CP Tổ Chức Hội Nghị Việt Nam	-	36.100.000
Khu Di Tích Lịch Sử Địa Đạo Củ Chi	-	100.000.000
Công ty Cổ phần Công Nghệ Sinh Phẩm Nam Việt	68.404.000	-
Công ty TNHH Lâm Sản Thịnh Vương	250.000.000	-
Các đối tượng khác	101.080.000	146.135.500
Cộng	419.484.000	332.235.500

4.14. Thuế và các khoản khác phải thu/ phải trả Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2017		Trong năm		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	1.159.090	62.136.198	5.073.195.023	5.226.085.302	-	213.867.387
Thuế thu nhập doanh nghiệp	547.833.129	-	1.463.694.146	1.668.466.261	343.061.014	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	31.723.000	151.064.900	119.341.900	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	40.095	-	151.606.979	151.647.074	-	-
Cộng	549.032.314	93.859.198	6.839.561.048	7.165.540.537	343.061.014	213.867.387

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Chi phí lãi vay phải trả	73.624.839	23.804.725
Chi phí kiểm toán báo cáo tài chính	15.000.000	15.000.000
Chi phí thuê mặt bằng	17.100.000	15.000.000
Các khoản trích trước khác	120.511.503	29.751.417
Cộng	226.236.342	83.556.142

4.16. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	81.534.767	143.707.247
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	114.600.000	118.800.000
Thuế TNCN phải trả	41.541.364	19.078.609
Nhận đặt cọc thuê mặt bằng, xưởng nước:	235.923.500	547.123.500
Phải trả khác	6.480.677	30.589.951
Cộng	480.080.308	859.299.307
Dài hạn:		
Nhận đặt cọc tiền thuê mặt bằng nhà Xưởng	172.200.000	144.000.000
- Phạm Thị Thay	-	75.000.000
- Công Ty CP Việt ASIAN Nha Trang	-	9.000.000
- Võ Ngọc Trang Thanh	-	60.000.000
- Lương Quang Huy	2.200.000	-
- Nguyễn Thị Khánh Hòa	40.000.000	-
- Lương Thị Hiền	40.000.000	-
- Đỗ Thị Dự	40.000.000	-
- Hà Thị Liên	30.000.000	-
- Công ty TNHH Dinkay	20.000.000	-
Cộng	172.200.000	144.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.17. Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 31/12/2017 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn:						
Lê Thị Phương	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Khánh	2.000.000.000	2.000.000.000	8.000.000.000	6.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Acornri Holdings	-	-	5.500.000.000	5.500.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả:						
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Khánh	1.480.000.000	1.480.000.000	1.480.000.000	-	-	-
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	500.000.000	500.000.000	500.000.000	-	-	-
Công đoàn Tổng Công ty Khánh Việt	-	-	-	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Tổng công ty Khánh Việt	376.273.332	376.273.332	376.273.332	376.273.338	376.273.338	376.273.338
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Khánh Hòa	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	7.756.273.332	7.756.273.332	19.256.273.332	14.176.273.338	2.676.273.338	2.676.273.338
Vay dài hạn:						
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Khánh	2.550.000.000	2.550.000.000	4.400.000.000	1.850.000.000	-	-
Tổng công ty Khánh Việt	519.314.728	519.314.728	-	376.273.332	895.588.060	895.588.060
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Khánh Hòa	1.918.000.000	1.918.000.000	4.995.926.000	6.950.000.000	3.872.074.000	3.872.074.000
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	750.000.000	750.000.000	1.500.000.000	750.000.000	-	-
Cộng	5.737.314.728	5.737.314.728	10.895.926.000	9.926.273.332	4.767.662.060	4.767.662.060

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.18. Vốn chủ sở hữu

4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2016	24.795.770.000	3.747.545.000	1.021.421.973	4.202.394.844	4.703.847.419	38.470.979.236
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	5.307.105.619	5.307.105.619
Tăng trong năm trước	-	-	-	530.710.562	-	530.710.562
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	(3.540.998.124)	(3.540.998.124)
Tại ngày 01/01/2017	24.795.770.000	3.747.545.000	1.021.421.973	4.733.105.406	6.469.954.914	40.767.797.293
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	5.726.079.565	5.726.079.565
Tăng trong năm nay	-	-	-	572.607.957	-	572.607.957
Giảm trong năm nay	-	-	-	-	(3.624.792.914)	(3.624.792.914)
Tại ngày 31/12/2017	24.795.770.000	3.747.545.000	1.021.421.973	5.305.713.363	8.571.241.565	43.441.691.901

4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tổng Công ty Khánh Việt	13.016.960.000	13.016.960.000
Công ty Cổ phần Avalue	5.419.570.000	5.419.570.000
Các đối tượng khác	6.359.240.000	6.359.240.000
Cộng	24.795.770.000	24.795.770.000

4.18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	24.795.770.000	24.795.770.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	24.795.770.000	24.795.770.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.18.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2017 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.479.577	2.479.577
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.479.577	2.479.577
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.479.577	2.479.577
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.479.577	2.479.577
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.479.577	2.479.577
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

4.18.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.726.079.565	5.307.105.619
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	(572.607.957)	(530.710.562)
- <i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	(572.607.957)	(530.710.562)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu	5.153.471.608	4.776.395.057
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	2.479.577	2.479.577
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.078	1.926

4.18.6 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.726.079.565	5.307.105.619
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	(572.607.957)	(530.710.562)
- <i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	(572.607.957)	(530.710.562)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu	5.153.471.608	4.776.395.057
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	2.479.577	2.479.577
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.078	1.926

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.19. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	6.469.954.914	4.703.847.419
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm này	5.726.079.565	5.307.105.619
Phân phối lợi nhuận	3.624.792.914	3.540.998.124
Phân phối lợi nhuận năm trước	2.479.577.000	2.479.577.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông	2.479.577.000	2.479.577.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm này	1.145.215.914	1.061.421.124
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	572.607.957	530.710.562
- Trích quỹ đầu tư phát triển	572.607.957	530.710.562
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.571.241.565	6.469.954.914

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng	3.985.194.180	4.835.891.828
Doanh thu cung cấp dịch vụ	122.771.400.145	109.974.827.038
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan - Xem thêm mục 8	6.734.961.115	3.877.319.429
Cộng	133.491.555.440	118.688.038.295

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán hàng	2.495.079.410	3.090.676.626
Giá vốn cung cấp dịch vụ	109.166.249.227	95.494.405.124
Cộng	111.661.328.637	98.585.081.750

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	135.994.062	86.666.417
Cộng	135.994.062	86.666.417

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	1.083.224.930	123.026.726
Cộng	1.083.224.930	123.026.726

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí hoa hồng	1.033.654.500	1.292.233.591
Chi phí tuyên truyền, tiếp thị quảng cáo	1.387.332.685	1.678.773.768
Chi phí bằng tiền khác	998.902	242.711.124
Cộng	2.421.986.087	3.213.718.483

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	6.298.019.766	5.248.241.097
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	132.473.793	126.049.987
Chi phí khấu hao tài sản cố định	312.258.358	316.223.088
Thuế, phí và lệ phí	252.547.366	420.026.282
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.455.315.224	2.000.801.071
Chi phí bằng tiền khác	3.623.934.476	2.877.081.886
Cộng	12.074.548.983	10.988.423.411

5.7. Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thanh lý tài sản cố định	1.062.375.322	817.549.401
Thu nhập khác	16.262.867	14.812.643
Cộng	1.078.638.189	832.362.044

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8. Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí TSCĐ thiệt hại do bão	236.828.326	-
Tiền chậm nộp, phạt thuế	30.861.098	1.555.610
Chi phí khác	7.635.919	23.126.425
Cộng	275.325.343	24.682.035

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	7.189.773.711	6.672.134.351
Cộng: các khoản điều chỉnh tăng	128.697.017	153.009.308
- Chi phí không được trừ	62.097.017	85.409.308
- Thủ lao HĐQT, BKS không tham gia quản lý điều hành	66.600.000	67.600.000
Trừ: các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh chính	7.318.470.728	6.825.143.659
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.463.694.146	1.365.028.732

5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.044.472.993	11.989.152.034
Chi phí nhân công	30.631.740.999	25.835.567.494
Chi phí dụng cụ sản xuất	1.901.514.047	2.050.611.645
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.484.585.872	5.565.084.764
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.303.241.881	50.750.156.330
Chi phí khác bằng tiền	16.297.228.505	13.506.644.184
Cộng	123.662.784.297	109.697.216.451

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	25.895.926.000	12.712.074.000
Cộng	25.895.926.000	12.712.074.000

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	19.846.273.338	9.774.273.329
Cộng	19.846.273.338	9.774.273.329

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan**

1. Tổng Công ty Khánh Việt
2. Công ty TNHH Thương mại Khatoco
3. Công ty TNHH MTV Thức ăn Chăn nuôi Khatoco
4. Công ty Cổ phần Dệt Tân Tiến
5. Công ty Cổ phần In Bao bì Khatoco
6. Trung tâm Giống Đà điều Ninh Hòa
7. Công ty Kinh doanh Đà điều Cá sấu Khatoco
8. Công viên du lịch Yang Bay
9. Xí nghiệp may Khatoco
10. Công ty Thuốc lá Nguyên liệu Khatoco

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Công ty con của TCT Khánh Việt
 Công ty con của TCT Khánh Việt
 Công ty con của TCT Khánh Việt
 Công ty con của TCT Khánh Việt
 ĐVTT của TCT Khánh Việt
 ĐVTT của TCT Khánh Việt
 ĐVTT của TCT Khánh Việt
 ĐVTT của TCT Khánh Việt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải trả:		
Công ty CP thức ăn chăn nuôi Khatoco	7.143.600	6.593.100
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	24.640.000	95.520.000
Cộng - Xem thêm mục 4.12	31.783.600	102.113.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Vay tiền:		
Tổng công ty Khánh Việt	895.588.060	1.271.861.398
Cộng	895.588.060	1.271.861.398

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Mua hàng:		
Công viên Du lịch Yang Bay	129.414.546	64.036.363
Trung tâm giống Đà điều Ninh Hòa	15.270.000	10.000.000
Công ty TNHH MTV Thức ăn chăn nuôi Khatoco	49.357.500	39.541.500
Công ty TNHH Thương mại Khatoco	24.545.455	55.090.909
Cộng	194.042.046	168.668.772

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Bán hàng:		
Tổng Công ty Khánh Việt	2.759.664.990	1.143.566.853
Nhà máy Thuốc lá Khatoco Khánh Hòa	1.677.050.172	140.678.244
Công viên Du lịch Yang Bay	531.315.096	539.187.459
Công ty Thuốc lá Nguyên liệu Khatoco	478.444.267	95.933.113
Trung tâm Giống Đà điều Ninh Hòa	227.755.714	711.747.565
Công ty TNHH MTV Thức ăn Chăn nuôi Khatoco	357.434.237	682.709.091
Công ty Cổ phần Dệt Tân Tiến	147.089.091	251.295.632
Xí nghiệp may Khatoco	408.225.730	-
Công ty Kinh doanh Đà điều Cá sấu Khatoco	147.981.818	312.201.472
Cộng - Xem thêm mục 5.1	6.734.961.115	3.877.319.429

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Trả nợ vay:		
Tổng Công ty Khánh Việt	376.273.338	376.273.329
Cộng	376.273.338	376.273.329

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Trả cổ tức:		
Tổng Công ty Khánh Việt	1.301.696.000	1.301.696.000
Cộng	1.301.696.000	1.301.696.000

Thù lao HĐQT và thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thù lao Hội đồng quản trị	85.200.000	85.200.000
Thu nhập Ban Giám đốc	968.071.000	995.063.000

8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	162.637.625	164.983.000

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:

- + Rủi ro lãi suất
- + Rủi ro tiền tệ

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Ban Giám đốc của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính:		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.083.836.370	2.078.265.049
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.442.803.542	3.187.548.659
Phải thu về cho vay ngắn hạn	10.000.000	-
Cộng	5.536.639.912	5.265.813.708
	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công nợ tài chính:		
Các khoản vay	13.493.588.060	7.443.935.398
Phải trả người bán và phải trả khác	6.389.308.456	3.455.500.709
Chi phí phải trả	226.236.342	83.556.142
Cộng	20.109.132.858	10.982.992.249

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng.

	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 1 năm	7.756.273.332	6.443.344.798	14.199.618.130
Từ 1 đến 3 năm	5.737.314.728	172.200.000	5.909.514.728
Tại ngày 31/12/2017	13.493.588.060	6.615.544.798	20.109.132.858
	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Cộng VND
Dưới 1 năm	2.676.273.338	3.395.056.851	6.071.330.189
Từ 1 đến 3 năm	4.767.662.060	144.000.000	4.911.662.060
Tại ngày 01/01/2017	7.443.935.398	3.539.056.851	10.982.992.249

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LONG PHÚ

Đá Chồng, Xã Vĩnh Lương, Thành phố Nha Trang
Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các hợp đồng vay theo lãi suất thả nổi. Bảng dưới đây cung cấp chi tiết các khoản nợ theo từng loại lãi suất:

	Tại ngày 31/12/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Nợ tài chính:		
Theo lãi suất thả nổi	4.568.000.000	5.872.074.000
Tổng	4.568.000.000	5.872.074.000

10. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Lê Dũng Lâm
Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Lý Thị Thanh Lam
Kế toán trưởng

Trần Thị Gấm
Người lập